

Số: 689/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 07 tháng 4 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

V/v điều chỉnh kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2014
tại Quyết định số 2619/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của UBND tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 2619/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch mục tiêu, nhiệm vụ và vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2014, tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 298/TTr-SKHĐT ngày 26/3/2014, theo Tờ trình số 16/TTr-SYT ngày 20/02/2014 của Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2014 tại Quyết định số 2619/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của UBND tỉnh (có danh mục điều chỉnh kèm theo).

Điều 2. Những nội dung khác không thay đổi vẫn thực hiện theo Quyết định số 2619/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế, Kho bạc Nhà nước Bình Phước, Chủ đầu tư và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, PCT;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng: KTTH, VHXH;
- Lưu: VT. (Thg-01/4)₁₀₂



KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2014



Kế hoạch theo Quyết định số: 689 /QĐ-UBND ngày 07/4/2014 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên Chương trình mục tiêu Quốc gia	Kế hoạch năm 2014			Điều chỉnh			Chủ đầu tư
		Tổng vốn	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng vốn	Vốn ĐTPT	Vốn SN	
TỔNG CỘNG:		4.207	-	4.207	4.207	-	4.207	
I	Chương trình mục tiêu Quốc gia Y tế	3.146	0	3.146	3.146	0	3.146	Sở Y tế
1	Phòng, chống một số bệnh có tính chất nguy hiểm đối với công đồng (bệnh phong, bệnh lao, bệnh sốt rét, sốt xuất huyết, bệnh ung thư, bệnh tăng huyết áp, bệnh đái tháo đường, bảo vệ sức khỏe tâm thần công đồng và trẻ em, bệnh phổi tắc nghẽn và mạn tính)	2.400		2.400	2.210		2.210	
2	Chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	450		450	616		616	
3	Quản dân y kết hợp	96		96	50		50	
4	Nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình	200		200	270		270	
II	Chương trình mục tiêu Quốc gia Vệ sinh an toàn thực phẩm	536	-	536	536	-	536	
1	Nâng cao năng lực quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm	200		200	156		156	Sở Y tế
2	Thông tin giáo dục truyền thông đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm	120		120	160		160	Sở Y tế
3	Tăng cường năng lực hệ thống kiểm nghiệm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.	60		60	60		60	Sở Y tế
4	Phòng, chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh lây truyền qua thực phẩm	156		156	160		160	Sở Y tế
III	Chương trình mục tiêu Quốc gia phòng, chống HIV/AIDS	525	-	525	525	-	525	Sở Y tế
1	Thông tin giáo dục và truyền thông thay đổi hành vi phòng HIV/AIDS	270		270	163		163	
2	Giám sát dịch HIV/AIDS và can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV	170		170	290		290	
3	Hỗ trợ điều trị HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con	85		85	72		72	